TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày 18- 04 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Điêu Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái

Ông Lò Văn Khẹt

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST - HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/HSST – QĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vì Thị T (tên gọi khác Lò Thị T) sinh năm 1976 tại xã P, huyện ML, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Lò Văn I (đã chết) và bà Lò Thị M (đã chết); Bị cáo có chồng là Vì Văn D và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 17/10/2017. Có mặt.

2. Vì Văn D sinh ngày 15 tháng 3 năm 1997 tại xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Vì Văn C, sinh năm 1976 và bà Vì Thị T, sinh năm 1976. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 17/10/2017. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vì Thị T:* Bà Cầm Kim L. Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Quàng Thị D. Công tác tại: Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường La.Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 16/10/2017 Vì Văn D đi chơi điện tử tại quán ở khu vực ngã ba trung tâm xã PT, huyện ML thì gặp Vì Văn H, trú tại: bản NP, xã PT, huyện ML. H giao chiếc xe máy biển kiểm soát 26B1 – 62213 và 200.000đ cho D bảo D đi mua hộ 150.000đ heroin còn 50.000đ thì H trả công cho D. Vì Văn D nhất trí và rủ Vì Văn S khi đó đang chơi điện tử trong quán đi cùng. S đồng ý. Vì Văn D điều khiển xe máy chở Sơn đến nhà Vì Thị T ở bản P, xã PT, huyện ML để mua heroin. Tt nhất trí bán cho D 02 gói, gói to giá 100.000đ, gói nhỏ giá 50.000đ. D đưa cho T 200.000đ. Sau khi nhận tiền T lấy heroin đưa cho D và trả lại 50.000đ thì bị Công an xã PT, huyện ML phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 gói nilon màu xanh và 01 gói nilon màu trắng bên trong đều chứa chất bột màu trắng do Vì Văn D giao nộp; 01 gói nilon màu xanh và 01 gói nilon màu trắng bên trong đều chứa chất bột màu trắng do Vì Thị T giao nộp; 250.000đ; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave S Honda biển kiểm soát 26B1 – 62213; 01 túi vải màu đen.

Ngày 17/10/2017 cơ quan điều tra Công an huyện Mường La đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh vật chứng và lấy mẫu gửi giám định. Kết quả cân tịnh: Số bột màu trắng thu giữ của Vì Văn D có tổng khối lượng 0,12 gam, lấy 0,12 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu D. Số bột màu trắng thu giữ của Vì Thị T có tổng khối lượng 0,05 gam, lấy 0,05 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu T.

Tại kết luận giám định số 964/KLMT ngày 21/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu vật gửi giám định kí hiệu D, T là chất ma túy, loại chất Heroin;

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 206/KSĐT - MT ngày 31-3-2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La đã truy tố các bị cáo Vì Thị T,

Vì Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vì Thị T, Vì Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Vì Thị T, Vì Văn D đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt Vì Thị T từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Xử phạt Vì Văn D từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong; 01 túi vải nhỏ màu đen.

Tịch thu sung quỹ: 250.000đ do phạm tội mà có.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vì Thị T trình bày lời bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự do đó đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Vì Thị T, Vì Văn D không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Vì Thị Thuyết không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Vì Thị T khai nhận: Ngày 16/10/2017 tại nhà của mình ở bản P, xã PT, huyện ML, T đã thực hiện hành vi bán trái phép 0,12 gam hêrôin cho Vì Văn D thu lợi số tiền 150.000đ và cất giữ 0,05 gam hêrôin nhằm mục đích bán kiếm lời.

Vì Văn D khai nhận: Ngày 16/10/2017 tại quán điện tử ở khu vực ngã ba trung tâm xã PT, huyện ML, Vì Văn D được Vì Văn H nhờ đi mua hộ hêrôin với số tiền 150.000đ và trả công 50.000đ. Sau khi nhận tiền của H, Vì Văn D rủ Vì Văn S đến nhà Vì Thị T mua hêrôin, D chở S bằng xe máy của H, toàn bộ quá trình mua bán ma túy là D và T thực hiện còn S chỉ đi cùng. Khi đang mua bán hêrôin và giao nhận tiền thì bị công an phát hiện bắt quả tang.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo Vì Thị T thu lợi 150.000đ và hành vi đi mua hộ ma túy để hưởng lợi 50.000đ của bị cáo Vì Văn D đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Cáo trạng của Viện kiểm

sát huyện Mường La đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Bị cáo Vì Thị T, Vì Văn D chưa có tiền án, tiền sự. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Bị cáo Vì Thị T và Vì Văn D có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi bán trái phép chất ma túy và đi mua hộ ma túy hưởng lợi bằng tiền để kiếm lời là phạm tội nhưng vì hám lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản của Cơ quan điều tra, xét các bị cáo không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với các bị cáo.

Về nguồn gốc số hêrôin Vì Thị T bán cho Vì Văn D, T khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ với số tiền 200.000đ. Do đó không có căn cứ điều tra xác minh. Buộc Vì Thị T phải chịu trách nhiệm với số hêrôin thu giữ.

Đối với Vì Văn H là người nhờ Vì Văn D mua hộ hêrôin và trả công cho D 50.000đ. Quá trình xác minh Vì Văn H không có mặt tại địa phương, không lấy được lời khai của Hỏa, ngoài lời khai của Vì Văn D không có chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xử lý.Vì Văn S là người được Vì Văn D chở đi mua ma túy cùng nhưng S không tham gia trao đổi mua bán ma túy với Vì Thị T,

không cất giấu và giao nhận hêrôin cùng Vì Văn D nên hành vi không vi phạm pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 26B1 – 62213 Vì Văn D sử dụng vào việc phạm tội, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Quàng Văn Đ, trú tại: bản NP, xã PT, huyện ML, ngày 16/10/2017 ông Đ cho con trai là Quàng Văn H1 mượn đi chơi. H1 lại cho H2 mượn và giao xe máy cho Vì Văn D. Việc D sử dụng xe máy để đi mua ma túy ông Quàng Văn Đ không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho ông Đ quản lý và sử dụng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999. Ông Đ sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Số tiền 200.000đ do phạm tội mà có và 50.000đ của bị cáo Vì Thị T liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 01 túi vải đen, 01 phong bì niêm phong do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

1.Tuyên bố các bị cáo Vì Thị T (Lò Thị T), Vì Văn D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

Xử phạt Vì Thị T (Lò Thị T): 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17/10/2017.

Xử phạt Vì Văn D: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17/10/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với cácbị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền: 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Tịch thu và tiêu hủy: 01 túi vải đen, 01 phong bì niêm phong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/04/2018 giữa Công an huyện Mường La và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Vì Thị T, Vì Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an huyện Mường La;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Điêu Thị Kim Liên